

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VIỆN NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ HỢP TÁC GIÁO DỤC QUỐC TẾ



THÔNG TIN GIÁO DỤC QUỐC TẾ

10/2014 – | LƯU HÀNH NỘI BỘ

NỘI DUNG

3

**Giáo dục đại học Hoa Kỳ:
“Nhất thế giới”**

Martha J. Kanter

(ThS. Lê Tấn Huỳnh Cẩm
Giang dịch)

9

**Chương trình giáo dục trong
thế kỷ XXI**

David Smith

(ThS. Huỳnh Xuân Nhựt dịch)

12

**Việc sử dụng dữ liệu về sự
hài lòng của sinh viên sẽ mở màn
cho các cuộc hội thoại về công cuộc
cải tiến liên tục**

Chenicheri Sid Nair, Lorraine
Bennett

(CN. Nguyễn Hoàng Thiện
dịch)

Ban biên tập:

1. PGS.TS. Ngô Minh Oanh

oanhngominh@ier.edu.vn

2. TS. Nguyễn Kim Dung

kimnguyen@ier.edu.vn

3. ThS. Nguyễn Ngọc Tài

ngoctai@ier.edu.vn

4. ThS. Huỳnh Xuân Nhựt

nhuthuyinh@ier.edu.vn

Thư ký:

Nguyễn Hoàng Thiện

hoangthien@ier.edu.vn

GIÁO DỤC ĐẠI HỌC HOA KỲ: “NHẤT THỂ GIỚI”

Martha J.Kanter

ThS. Lê Tấn Huỳnh Cẩm Giang dịch (tiếp theo)

Martha Kanter là Thứ trưởng Bộ trưởng Giáo dục Hoa Kỳ từ tháng sáu năm 2009. Với tư cách này Kanter giám sát các chính sách, chương trình, và các hoạt động liên quan đến giáo dục sau trung học, dạy nghề và giáo dục người trưởng thành, và trợ cấp sinh viên liên bang. Bà có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và cả quản lý và đã từng là thành viên hội đồng quản trị và cố vấn cho nhiều tổ chức ở địa phương, tiểu bang, và quốc gia. Trước khi vào làm việc tại Bộ Giáo dục Hoa Kỳ, Kanter từng là Hiệu trưởng của trường Đại học Cộng đồng Foothill-De Anza của California, trường này có hơn 45.000 sinh viên. Melissa Apostolides và Jon O'Bergh làm việc tại Bộ Giáo dục Hoa Kỳ có đóng góp cho bài viết này.

Quan hệ đối tác và hành động tập thể

Tại Bộ Giáo Dục Hoa Kỳ, chúng tôi cũng đang suy nghĩ rất nhiều về các bước tiếp theo mà chúng ta có thể thực hiện với tư cách một quốc gia: cải tổ các cơ chế để khen thưởng cho các học viện và các sinh viên trong giờ học trên lớp đã có ý kiến đối lập với những gì được học, khảo sát khung chất lượng văn bằng, và hiện đại hóa quy trình kiểm định cho các trường đại học và đại học đa ngành. Chúng ta không thể bằng lòng với mô hình kiểm định đã sai khiến quá trình, đầu vào và cơ cấu quản trị thay cho các kết quả, đổi mới, và bằng chứng.

Cuối cùng, chúng ta cần các học viện, các tiểu bang, các tổ chức, và chính phủ liên bang định hướng cải tiến chất lượng với nghiên cứu tốt hơn và đầu tư nhắm vào các chương trình hứa hẹn. Chúng ta phải làm điều này để cho phép nhiều hơn đáng kể

sinh viên đạt được kết quả học tập, mà các kết quả đó được thể hiện trên các bằng cấp và các giấy chứng nhận, và sự tham gia được gia tăng mạnh mẽ trong công việc và đời sống dân sự. Chúng ta cũng phải đảm bảo chất lượng cải thiện bằng cách làm rõ vai trò và trách nhiệm thường chồng chéo và khó hiểu của chính phủ liên bang, các kiểm định viên, các tiểu bang, và các học viện. Và chúng ta cần tăng tính minh bạch và mức độ trách nhiệm giải trình được hiểu thấu đáo sẽ giải thích về việc các học viện và sinh viên của chúng ta đang làm việc như thế nào.

Bộ Giáo dục cũng muốn tận dụng thông tin liên lạc, tính minh bạch và hỗ trợ kỹ thuật để hỗ trợ quan hệ đối tác mới trong giáo dục, doanh nghiệp, hội đoàn và các tổ chức chính phủ và các cộng đồng và giúp các tiểu bang và các học viện chia sẻ và lựa chọn các thủ tục có nhiều tác động. Chúng

tôi đang tham gia vào nỗ lực này bằng một số lượng ngày càng tăng những nỗ lực dựa vào tiểu bang và các tập đoàn tài trợ.

Nhiều tiểu bang và các học viện đã bắt đầu đặt ra mục tiêu hoàn thành bằng cấp và báo cáo thường xuyên về tiến độ họ đang làm việc vì các mục tiêu này. Điểm sáng nhất của các kế hoạch này là tính năng liên kết và hoàn thành tú tài, cũng như chuyển giao từ các trường đại học cộng đồng đến các trường đại học bốn năm và các đại học đa ngành, học trường khác với trường đã ghi danh - như là các thước đo quan trọng của thành công của giáo dục đại học trong việc đáp ứng các nhu cầu của sinh viên. Nhưng còn nhiều việc cần phải làm.

Ở cấp độ liên bang, chúng tôi sẽ giúp hỗ trợ sự phát triển đo lường việc hoàn thành bằng cấp và giấy chứng nhận ở các học viện và trên toàn tiểu bang, theo dõi tiến độ, việc cải thiện và khả năng tương tác của các hệ thống dữ liệu, báo cáo số liệu hàng năm và dữ liệu chuỗi thời gian, và xác định các cơ hội và thách thức mới trong quá trình.

Hãy tưởng tượng nếu *mỗi* học sinh, giáo sư, hiệu trưởng, và chủ tịch của các học viện sau trung học trong cả nước chúng ta tập trung vào việc hoàn thành bằng cấp và biết chính xác những gì họ sẽ làm để góp phần thúc đẩy và hướng tới mục tiêu năm 2020.

Hãy tưởng tượng nếu tất cả các bang trong cả nước tập trung vào việc gia tăng tỷ lệ hoàn thành bằng cấp hàng năm cần thiết phải đạt được để đáp ứng mục tiêu năm 2020 và đã dành năng lượng và các nguồn lực cho mục đích đó. Tiếp theo đó chúng ta

có thể là một quốc gia di chuyển từ nguy cơ đến sự hồi sinh.

Cho đến nay, 29 tiểu bang đã tham gia Liên minh Các tiểu bang Hoàn thành Đại học Hoa Kỳ, một tổ chức phi lợi nhuận dành cho việc đạt được mục tiêu năm 2020. Các nhà lãnh đạo từ các tiểu bang đã cam kết sẽ thực hiện hoàn thành đại học là một ưu tiên về thể chế và pháp lý và chia sẻ với nhau và với Bộ Giáo Dục Hoa Kỳ các mô hình và các chiến lược hoàn thành bằng cấp có hiệu quả nhất trên khắp đất nước.

Kinh phí Nhà nước cấp dựa trên kết quả

Tennessee đã phát hiện rằng một số lượng nhỏ ngân quỹ (5 phần trăm của ngân sách) có tác động lớn: tất cả các học viện có hiện thị kết quả học tập tích cực (*Tennessee* bắt đầu tài trợ dựa trên kết quả trong đầu những năm 1980).

Các trường Đại học Cộng đồng ở *Florida* tăng số ghi danh 18 phần trăm và tỷ lệ đạt bằng cấp và giấy chứng nhận 43 phần trăm từ 1996 đến 2007 (kinh phí thực hiện bắt đầu từ năm 1997).

Kinh phí thực hiện của bang **Ohio** cho các sinh viên giảm thời gian trung bình để tốt nghiệp đại học từ khi có bằng tú tài từ 4,7 năm trong năm tài chính 1999 đến 4,3 năm trong năm tài chính 2003, và con số này duy trì đến năm 2007 (kinh phí thực hiện bắt đầu có từ năm 1998).

Quỹ Lumina cho Giáo dục được thành lập năm 2009.

Tương tự, Education Trust đã tập hợp các vị chủ tịch các trường đại học và các nhà lãnh đạo học thuật từ mười hệ thống

công lập lớn của giáo dục đại học, một lần nữa với mục đích chia sẻ dữ liệu và các mô hình để tăng tỷ lệ hoàn thành đại học và xóa đi các khoảng cách về thành tích.

Kinh phí dựa trên thành quả cũng lại nổi lên như một phương tiện đầy hứa hẹn để rút ngắn thời gian lấy bằng cấp. Ví dụ, thông qua Chương trình Hoạt động Học bổng Dựa vào Thành quả, hơn 5.600 sinh viên có thu nhập thấp được nhận học bổng dựa trên kết quả tại các học viện đại học hai năm và bốn năm trên sáu tiểu bang, được tài trợ bởi một sự kết hợp sâu rộng của khu vực công và các đối tác phi lợi nhuận.

Bằng việc kết hợp những ý tưởng và các nguồn lực có thể có một hiệu ứng mạnh mẽ trong khu vực. Mười hai tiểu bang ở miền Trung Tây đã cùng tập hợp với nhau cho cả hai mục tiêu giảm chi phí và gia tăng cơ hội cho sinh viên. Dưới sự bảo trợ của Khế ước Giáo dục Đại Miền Trung Tây, các trường đại học công lập ở các tiểu bang này chung mua nhiều mặt hàng, bao gồm cả bảo hiểm tài sản, năng lượng, và y tế, để mua những thứ đó một nguồn quỹ góp chung lớn mà các tổ chức này có thể được tận dụng để giảm chi phí. Các tiểu bang gia nhập Khế ước đã tiết kiệm hàng triệu đô la. Sinh viên cũng được tiết kiệm tiền, nhờ vào một thỏa thuận học phí có đi có lại cho phép họ dự học tại một trường nằm trong Khế ước bên ngoài tiểu bang của họ với mức giá giảm.

Năm nay, Hội nghị Năng suất Quốc gia của Quỹ Lumina đặt tâm điểm vào một số quan hệ đối tác sáng kiến khác, bao gồm Indiana với trường đại học phi lợi nhuận Western Governors để gia tăng đào tạo trực tuyến, các khóa học dựa trên năng lực và Đại học Akron với Đại học Cộng đồng ở

Hạt Lorain để tạo ra một trung tâm độc lập sẽ chia sẻ quản lý nguồn nhân lực, biên chế, và các dịch vụ kinh doanh khác. Điểm cuối cùng của những hợp tác này có thể dẫn đến một sự chia sẻ trên toàn tiểu bang về dịch vụ giữa các trường đại học công lập và cũng như tư nhân, khả năng tiết kiệm hàng trăm triệu đô la có thể được chuyển hướng đến cho các mục đích học thuật.

Có một loạt các mô hình đầy hứa hẹn trong việc xây dựng, bao gồm cả các cơ hội để thiết kế các tiếp cận của thế kỷ 21 cho giảng dạy và học tập được làm cho hiệu quả bằng cách sử dụng công nghệ.

Yếu tố công nghệ

Bộ Giáo Dục Hoa Kỳ gần đây đã đưa ra một kế hoạch công nghệ giáo dục quốc dân sẽ giúp tận dụng sức mạnh công nghệ để cải thiện việc học. Công nghệ có tiềm năng làm cho quá trình học tập hấp dẫn và phù hợp hơn với nhu cầu và lợi ích cá nhân của học sinh, cũng như để giúp họ phát triển sự linh hoạt, sáng tạo, và tư cách độc lập họ sẽ cần như là các nhân công tri thức thế kỷ 21. Các công dân của ngày hôm nay và ngày mai phải trở thành những người học tập suốt đời, đó là những người có học thức và thành thạo công nghệ thông tin.

Một loạt các mô hình thú vị từ “Thế giới Học đường” trực tuyến của Đại học Tiểu bang Penn đến hệ thống “UmassOnline” của Đại học Massachusetts, với số ghi danh khoảng 50.000 sinh viên và mang lại cho các trường đại học một dòng doanh thu 56,2 triệu USD năm ngoái.

Sáng kiến Học Mở của Đại học Carnegie Mellon (Open Learning Initiative,

OLI) là một môi trường học tập dựa trên web bổ sung cho việc dạy học mặt đối mặt, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên và cung cấp gia sư ảo cho sinh viên. Các chương trình dạy học này giúp đánh giá những nội dung nào sinh viên đã làm chủ được và các nội dung họ đang gặp khó khăn, và cho phép các giáo sư giảng bài và hướng dẫn cho phù hợp. [Ghi chú của Biên tập viên: hãy xem các bài viết của Candace Thille về OLI trên tạp chí *Change* tháng Ba / Tư 2011]

Như vị Chủ tịch của Đại học Carnegie Mellon là Jared L. Cohon đã nói, “OLI là một ví dụ về những gì Carnegie Mellon làm tốt nhất: liên kết các ngành khác nhau - trong trường hợp này là tâm lý học nhận thức, sự tương tác của con người - máy tính, thiết kế và khoa học máy tính - để có tác động đến việc giải quyết các vấn đề khó khăn.

<http://oli.web.cmu.edu/openlearning/index.php?start=5>

Trung tâm Quốc gia về Chuyển đổi Học thuật (National Center for Academic Transformation, NCAT), do Carol Twigg lãnh đạo, đã chứng minh rằng nhiều khóa học có thể được thiết kế lại để giảm chi phí trong khi vẫn thúc đẩy việc học tập và tỷ lệ hoàn thành. Bà đề xuất rằng hiệu quả về chi phí có thể tăng lên bằng cách thiết kế lại 25 thời lượng các học phần phổ biến nhất, khoa học, khoa học xã hội và nhân văn, mà việc này sẽ làm gia tăng một nửa số ghi danh đại học cộng đồng và hơn một phần ba số tuyển sinh của đại học bốn năm. [Ghi chú của Biên tập viên: hãy xem các bài viết về NCAT dưới sự lãnh đạo của Carol Twigg trong vấn đề này].

Tương lai có thể mang lại những gì

Christopher Edley Jr., Hiệu trưởng trường luật Berkeley của Đại học California (University of California, UC) và đồng chủ tịch giáo dục và nhóm làm chương trình giảng dạy cho Ủy ban Tương lai của hệ thống UC, đề xuất mở rộng các dịch vụ trực tuyến của UC theo những cách thức mà đến một ngày có thể bao gồm đầy đủ các chương trình cử nhân trong đào tạo trực tuyến. Ông đã viết trong một trang phê duyệt trên tờ Tin tức San Francisco: “Mục đích của chúng tôi là nâng cao kiến thức trong khi dân chủ hóa xuất sắc. Để làm điều đó, chúng ta phải đổi mới”.

Ông phác thảo tầm nhìn của hệ thống UC về đào tạo trực tuyến:

- Hướng dẫn trực tuyến cung cấp tín chỉ của UC, đáp ứng các tiêu chuẩn học thuật tương tự, và có các giảng viên tương tự như các khóa học trong khuôn viên trường.
- Cung cấp hướng dẫn cho sinh viên ở bất cứ đâu, bất cứ lúc nào, thông qua học tập đa phương tiện dựa trên Web.
- Các hướng dẫn qua mạng là “cảm ứng cao”: trợ giảng dẫn dắt các cuộc trò chuyện trực tuyến và theo dõi diễn đàn thảo luận, cũng như máy tính để bàn hội thảo và hội nghị video, và các giảng viên có giờ làm việc ở văn phòng.
- Theo dõi sự tiến bộ của sinh viên thông qua các bài kiểm tra, bài viết, video sản phẩm, trợ lý học tập, và điểm thứ hạng về thảo luận nhóm.
- Bảo vệ chống lại gian lận, sử dụng các trang dành cho thi cử được kiểm soát.

- Các khóa học được phát triển bởi các giáo sư của UC, với sự trợ giúp của các chuyên viên kỹ thuật để bảo đảm các bài giảng có chất lượng cao tương tự như trên các lớp học trong khuôn viên học đường.

Trong thực nghiệm của trường Berkeley thuộc UC, một nhóm các giáo sư và nhà thiết kế khóa học sẽ di chuyển 25 đến 40 các khóa học ở cấp độ nhập môn từ các phòng học lên trang web trong một nỗ lực để đánh giá “hiệu quả, chi phí và tính bền vững của giáo dục trực tuyến”.

Hiện nay, tỷ lệ thất bại trong các khóa học nhập môn cốt lõi dao động từ 15 phần trăm ở các trường đại học nghiên cứu đến cao hơn 60 phần trăm các trường đại học cộng đồng, và vấn đề này có ảnh hưởng đáng kể đến tỷ lệ sinh viên bỏ học trong các năm đầu tiên và thứ hai. Việc thực hiện các khóa học đặt cơ sở trên bài thuyết giảng này dựa vào điều kiện sẵn có của kỹ thuật, cho phép các học viện cung cấp các đánh giá liên tục, và hướng dẫn trực tuyến theo yêu cầu của người học đến từ các sinh viên làm trợ giảng, trong khi học phí giảm đi, chất lượng nâng cao hơn, các khóa học thì diễn ra nhanh hơn, và cuối cùng việc hoàn thành bằng cấp cho số lượng ngày càng lớn hơn của các sinh viên Mỹ ngày càng đa dạng hơn.

Nước Mỹ có thể làm điều đó – Cùng nhau nỗ lực tiến tới Mục tiêu năm 2020

Gần 30 năm trước, báo cáo chuyên đề *Một quốc gia có Nguy cơ: Cấp bách Cải cách Giáo dục*, 1983 đã lên tiếng, mà sự báo động của báo cáo này ngày nay rất nổi tiếng, về tình trạng giáo dục tại Hoa Kỳ. Chúng ta phải thừa nhận rằng đất nước chúng ta bây

giờ, trong thế kỷ 21, có nguy cơ lớn hơn so với khi Ủy ban Quốc gia về Sự Xuất sắc trong Giáo dục đã phát hành những phát hiện của mình trong thế kỷ qua.

Ngày nay, các địa phương, các tiểu bang của Mỹ, và các bên liên quan giáo dục đại học quốc gia chỉ mới bắt đầu để phát triển lực kéo, vì chúng ta cần phải đạt được mục tiêu năm 2020 để cải thiện đáng kể tiếp cận giáo dục giáo dục đại học, chất lượng, và hoàn thành bằng cấp. Và chúng ta chỉ mới bắt đầu để xác định các mô hình giúp giữ học phí đại học trong tầm với của tầng lớp trung lưu, và tăng năng suất trong khi giảm chi phí. Tuy nhiên, nhu cầu nhiều hơn về nghiên cứu và phát triển trong giáo dục là rất quan trọng, bởi vì bây giờ chúng ta có một mục tiêu hữu hình, một khung thời gian cụ thể để đạt được điều đó, và nhiều mô hình có triển vọng để xây dựng. Trong hai năm làm Thứ trưởng, tôi đã đi lại khắp đất nước và gặp gỡ một loạt các bên liên quan trong giáo dục và các đối tác. Tôi cảm nhận một tinh thần đổi mới và quyết tâm mới để cộng tác và thay đổi khi đất nước chúng ta bước trên con đường thoát ra khỏi sự suy thoái.

Vì lý do này, tôi nhắc lại một cụm từ đã mở đầu một trong các phần kết luận của báo cáo *Một quốc gia có nguy cơ*: “Nước Mỹ có thể làm điều đó”. Những lời này cũng đúng không kém trong ngày hôm nay, mặc dù nhiều năm đã trôi qua kể từ khi được in ra. Nếu chúng ta hành động ngay, và hành động một cách táo bạo, nước Mỹ vẫn có thể làm điều đó, dù đã phải trải qua nhiều thập kỷ chán nản và trì hoãn. Chính phủ liên bang có thể giúp các tiểu bang và các học viện nêu rõ các định nghĩa chung về các chiến

lược cho sự thành công và sau đó sắp xếp các chính sách, chương trình, các quỹ, giám sát, báo cáo, thông tin liên lạc và trợ giúp trong việc hỗ trợ các mục tiêu chung được chia sẻ. Sử dụng đòn bẩy thích hợp ở cấp quốc gia, chúng ta sẽ đóng góp vào sự phát triển một bầu không khí của sự đổi mới và sự thay đổi, và điều đó sẽ mang lại cho đất nước chúng ta vị trí đứng đầu thế giới một lần nữa vào năm 2020!

(Hết)

LEARN

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TRONG THẾ KỶ XXI

David Smith

ThS. Huỳnh Xuân Nhật dịch (tiếp theo)

David Smith là một nhà giáo dục đang làm việc ở Úc. Hiện ông đang làm việc cho tổ chức giáo dục Phillips KPA. David có nhiều công trình nghiên cứu về giáo dục đại học.

Nguyên tắc 6: Chương trình giáo dục mà ẩn dụ chính của nó là phục vụ cộng đồng

Đến lúc ẩn dụ đối với nhà trường đã thay đổi từ tổ chức chính quy sang cộng đồng.

(Sergiovanni 1999, tr.128)

Trong công trình khoa học *Tái cấu trúc Tổ chức (Reframing Organisations)* (1991), Leigh Bolman và Terrence Deal đề xuất rằng để có thể hiểu được đầy đủ, nhà trường cần được xem xét thông qua ít nhất bốn ẩn dụ: nhà máy, gia đình, rừng cây và thánh đường.

Nhà máy: các cấu trúc và hệ thống trường học;

Gia đình: nhà trường như là một cộng đồng; văn hóa, đặc biệt mối quan hệ giữa người với người;

Rừng cây: khía cạnh chính trị, với những khát vọng và giá trị cạnh tranh; và

Thánh đường: những thông điệp lớn mà nhà trường chuyển tải có chủ đích hoặc không có chủ đích.

Trong khi cả bốn ẩn dụ đều quan trọng, và tất cả đang diễn ra tại cùng một thời điểm trong đời sống của bất kỳ trường học nào, trong nghiên cứu của mình, Bolman và Deal khẳng định rằng trong bốn ẩn dụ, ẩn dụ nhà máy là ẩn dụ tiêu biểu cho cách thức hầu hết các lãnh đạo nhà trường suy nghĩ và hành động. Tôi muốn nói rằng trong khi khía cạnh đó của nhà trường là quan trọng, đối với chương trình giáo dục của đầu thế kỷ 21, ít nhất nó phải được xem xét công bằng với khía cạnh gia đình: nhà trường như là một cộng đồng.

Cộng đồng ... là về kinh nghiệm hàng. Chúng ta ở trong cộng đồng mỗi khi chúng ta tìm một nơi nào đó chúng ta ở ...

Đầu tiên và trước nhất, để thuộc về là có quan hệ với và là một phần của cái gì đó ...

Nghĩa thứ hai của thuộc về có liên quan đến ý nghĩa là người chủ sở hữu ... Để thuộc về cộng đồng là hành động như một người đồng sáng lập và đồng sở hữu của cộng đồng ...

Thuộc về cũng có thể được hiểu như là niềm khát khao để tồn tại. Tồn tại là năng

lực tìm thấy mục đích sâu sắc của chúng ta trong tất cả những gì chúng ta thực hiện. Chính năng lực mới có được hiện tại, và khám phá sự xác thực của chúng ta và của chính tất cả chúng ta... Cộng đồng là thừng đưng hàng mà trong đó niềm khát khao của chúng ta được phát huy.

(Block 2008, tr.xii; nhấn mạnh của tác giả)

Đây là những từ ngữ mạnh mẽ, và những từ ngữ này diễn tả một cách sâu sắc những gì nó có ý nghĩa với con người. Vì lý do đó, chúng cũng đặc biệt liên quan đến nhà trường.

Cộng đồng luôn là nguồn sức mạnh và an ninh quyền lực cho con người, và trong khi nó duy trì mạnh mẽ trong xã hội truyền thống, trong thế giới phát triển, nó có nguy cơ bị đánh mất. Các nhà thờ, láng giềng, gia đình đa thế hệ, thậm chí chính các gia đình đang đấu tranh thực hiện vai trò chống đỡ xã hội họ đã từng đảm nhiệm. Thật vậy, công bằng mà nói rằng ngày nay, đối với nhiều người, có lẽ là hầu hết, trường học trở thành cộng đồng chính của con người. Và điều này không chỉ quan trọng đối với phúc lợi của giới trẻ: nó cũng quan trọng đối với thành tựu học thuật của họ.

Chúng ta quay lại với công trình của Newmann và Wehlagem và nhóm của họ tại Trung tâm Tổ chức và Tái cấu trúc trường học tại trường Đại học Wisconsin, Madison. Nhóm nghiên cứu đang tìm kiếm đặc trưng của nhà trường nơi mà học sinh học tập tốt và cải tiến học tập của họ. Họ tiến hành nghiên cứu trên 800 trường THPT ở Hoa Kỳ, xuyên khắp các biên giới có tính chất địa lý, văn hóa, chủng tộc, nông thôn và thành thị. Họ phát hiện rằng có những đặc

trung chung, và phát hiện cơ bản trong nghiên cứu là học sinh ở trường mà có chức năng như những cộng đồng – được mô tả như có văn hóa ‘mang tính hệ thống’ – thể hiện tốt hơn những học sinh ở những trường có chức năng lâm sàng, được mô tả như có văn hóa ‘quan liêu’. Trích dẫn từ một trong những bài viết:

Học sinh bảo chúng tôi rằng ‘cách giáo viên cư xử bạn như học sinh – hoặc thực sự như một con người’, có giá trị hơn bất cứ nhân tố nào khác trong nhà trường trong việc xác định gắn bó với nhà trường, cam kết hướng đến mục tiêu của nhà trường và, rộng hơn, tương lai học thuật họ hình dung cho chính mình.

(McLaughlin trong Lee & Smith
1994, tr.9)

Điều này nói lên rằng những phát hiện của Trung tâm Tái cấu trúc Trường học không đơn giản, và có một số vấn đề phức tạp trong công việc. Trong khi nhiều đặc tính liên quan đến thế giới đời sống của nhà trường – như tạo ra cộng đồng giáo viên chuyên nghiệp, trách nhiệm tập thể của tất cả đội ngũ giáo viên đối với học sinh, những mong đợi cao kết hợp với hỗ trợ cao và mức độ tín nhiệm và tôn trọng cao – những cái khác được liên kết với thế giới môn học: một chương trình giáo dục chung và ‘giáo dục đích thực’ là hai yếu tố đặc biệt quan trọng.

Một lần nữa, tầm quan trọng của thế giới đời sống nhà trường, thể hiện xuyên suốt qua văn hóa nhà trường và ‘hiệp ước’ của nó, chứng minh quan trọng như thế giới môn học. Và điều đó hóa ra là những phát hiện của Báo cáo Tái cấu trúc Trường học

Thành công nói ít về cấu trúc, và nói nhiều hơn về văn hóa.

Học sinh thể hiện tốt hơn ở nhà trường có nghĩa là các em thực sự đang học tập, đang trở nên nhận biết tốt, nhận biết phong cách học tập và những tình huống cá nhân của các em.

(Hohmann trong Lee & Smith 1994.
tr.13)

Tầm quan trọng của nhà trường có văn hóa ‘tổ chức’ hơn là ‘quan liêu’ cũng được ủng hộ mạnh mẽ bởi Peter Senge, người đề nghị rằng:

(Nó) nói lên sự khác biệt cơ bản giữa hệ thống sống và máy móc; hệ thống sống được tự làm trong khi máy móc được làm bởi người khác ... Không giống như máy móc, hệ thống sống liên tục phát triển và tiến hóa, từ mối quan hệ mới và có những mục đích bẩm sinh để tồn tại và tái tạo chính họ. Họ không thể đoán trước được mà cũng không kiểm soát được như máy móc,

mặc dù họ có những hành vi có xu hướng tái diễn và phát triển tương lai của họ có thể bị ảnh hưởng.

(Senge 2000, tr.53)

Pha lẫn những ẩn dụ của trường học như nhà máy và trường học như gia đình và mở rộng điều này sang ý nghĩa rộng lớn hơn là văn hóa tổ chức, hơn là văn hóa quan liêu là không dễ dàng, nhưng mối liên kết giữa cộng đồng và thành công và sự đáp ứng cá nhân của học sinh được thiết lập tốt, và ở trong một thời gian nào đó. Vì vậy cách thức nhà trường chức năng như những cộng đồng chuẩn bị cho giới trẻ trở thành những người đóng góp tích cực đối với xã hội dân chủ. Nó chính là ý tưởng mà thời kỳ của nó đã đến, và nó phải có một chỗ đứng quan trọng trong chương trình giáo dục dành thế kỷ 21.

(Còn tiếp)

VIỆC SỬ DỤNG DỮ LIỆU VỀ SỰ HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN SẼ MỞ MÀN CHO CÁC CUỘC HỘI THOẠI

Chenicheri Sir Naid, Lorraine Bennett

Nguyễn Hoàng Thiện dịch

Sid Nair là giáo sư về phát triển giáo dục đại học thuộc Trung tâm vì sự tiến bộ của dạy và học (CATL), Đại học Tây Úc, Perth. Công trình nghiên cứu của ông nhằm vào các lĩnh vực về chất lượng của hệ thống giáo dục đại học, lớp học, môi trường học tập, và thực hiện các cải tiến dựa trên phản hồi của các những nhà tài trợ tại Úc. Những ấn bản gần đây bao gồm “Lãnh đạo và Quản lý chất lượng trong giáo dục đại học” và “Phản hồi của sinh viên: Nền tảng cho hệ thống đảm bảo chất lượng hiệu quả trong giáo dục đại học”. Ông có kinh nghiệm giảng dạy rộng rãi trong các ngành khoa học ứng dụng tại Canada, Singapore, Úc và là một chuyên gia tư vấn quốc tế về chất lượng và đánh giá bậc giáo dục đại học. Địa chỉ liên lạc với ông: sid.nair@uwa.edu.au.

Phó giáo sư Lorraine Bennett công tác tại một trung tâm mới có tên là Trung tâm vì sự cách tân trong học tập và thực hành chuyên nghiệp (CLIPP) tại Đại học Ballarat ở bang Victoria, Úc. Bà đã nhận được hai phần tài trợ từ Hội đồng dạy và học của Úc (ALTC); bà thường xuyên tư vấn, phát biểu, và xuất bản sách báo viết về các vấn đề dạy và học; Bà còn hoạt động tích cực tại các cấp tiểu bang, quốc gia và quốc tế về vấn đề phát triển giáo dục và lĩnh vực chất lượng. Địa chỉ liên hệ với bà: lorraine.bennett@ballarat.edu.au.

Chiến lược tổ chức

Cách tiếp cận chiến lược của trường đại học là làm việc với dữ liệu nhằm thúc đẩy sự cải thiện có liên quan đến hai đơn vị cùng làm việc với nhau. Trung tâm vì sự tiến bộ của dạy và học (CALT) là đơn vị phát triển giáo dục hoạt động song song với CHEQ. CALT và CHEQ sẽ cùng nhau cộng tác với các khoa, tiếp cận dữ liệu đánh giá của sinh viên và cùng với biện pháp thực hiện khác thiết lập mục tiêu và các ưu tiên nhằm cải thiện chất lượng dạy và học để

mang kết quả học tập và các mức độ hài lòng. Tuy nhiên, thách thức đặt ra ở đây là phát triển một phương pháp luận nhằm hình thành cơ sở cho chiến lược cải thiện một cách có hệ thống để đáp ứng dữ liệu đánh giá học phần. Các nguyên tắc được sử dụng để củng cố chiến lược ban đầu bao gồm:

- Tiến hành chiến lược từ các dữ liệu nguồn (dựa trên bằng chứng).
- Ưu tiên nhắm vào các học phần kém hiệu quả.

- Thành lập đội phản ứng bao gồm CHEQ, CALT và đội ngũ giảng viên.
- Đội ngũ liên kết và hỗ trợ phát triển sinh viên.
- Bước đầu chú trọng vào các lĩnh vực có ít trở ngại để thay đổi chúng.
- Ưu tiên tập trung hỗ trợ ngắn hạn để có hiệu quả cao
- Lấy các mô hình thực hành tốt (Các học phần có hiệu suất cao) để làm ví dụ.
- Ghi chép và thể hiện sự cải thiện như là hệ quả của các động thái đã thực hiện.

Bốn giai đoạn của chu kỳ chất lượng bao gồm - kế hoạch, hành động, đánh giá (giám sát và xem xét), và nâng cao - đã được làm thành khung cho các phương pháp luận. Mỗi giai đoạn đều xác định các yêu cầu thích hợp, trách nhiệm, thời gian biểu, và các biện pháp. Toàn bộ quá trình được thiết kế để có thể diễn ra trong khoảng thời gian từ sáu đến tám tuần nhằm thực hiện công cuộc cải tiến, và nếu có thể, thì sẽ kịp thời gian cho chu trình giảng dạy tiếp theo.

Các ứng dụng của Chiến lược

Bảng 2: So sánh chỉ số trung bình sự hài lòng của 5 học phần liên quan nhau trong thời gian thử nghiệm (xem cuối bài)

Các trường đại học được đề cập trong bài viết này có 10 Khoa. Chiến lược này đã được thí điểm tại một trong những Khoa ít sinh viên, dạy về các khóa học chuyên nghiệp trong ngành dược phẩm. Một cơ sở quan trọng trong chiến lược này đó là ưu tiên nhằm vào các học phần kém hiệu quả. Các học phần này được nhà trường liệt

vào diện kém hiệu quả dựa trên mức xếp hạng trung bình là 3,0 hoặc ít hơn 5 điểm trong thang Likert về các mục hài lòng tổng thể trong bảng câu hỏi. Mục "Nhìn chung tôi hài lòng với chất lượng của học phần này," có một mối tương quan cao với bảy mục cốt lõi khác trong bảng câu hỏi.

Điều này không có nghĩa là đội ngũ CALT /CHEQ không có giá trị hoặc được đánh giá là các đơn vị có hiệu suất hoạt động cao; trong thực tế, họ thường được gọi là hình mẫu của việc "thực hành tốt." Khi các nguồn lực sẵn có bị hạn chế, một quyết định đã được đưa ra sớm nhằm tập trung vào các học phần thật sự cần hỗ trợ, nói cách khác là giải quyết "các điểm nóng". Việc lựa chọn cuối cùng các học phần là một quá trình khá chi tiết. Ban đầu dựa trên "các chỉ số hài lòng" ở học kỳ 2 để xác định các học phần nằm ở mức đáy 25% và những học phần khác có chỉ số là 10% dưới mức trung bình của giảng viên được thêm vào danh sách.

Các yếu tố khác được chú ý xem xét bao gồm diện tích lớp học, tỷ lệ đáp ứng và các các học phần được giảng dạy ở nhiều trường, bất kỳ xu hướng chuyên biệt nào ở trường. Đó cũng là việc hữu ích để xác định thứ tự các học phần và các học phần có cùng vị trí quan trọng cùng một năm hoặc khóa học. Trong suốt quá trình ưu tiên, các cuộc thảo luận đã được tổ chức cho các cán bộ giảng viên, trong đó có Phó Hiệu trưởng cũng như các chương trình, khóa học và học phần có liên quan. Những cuộc thảo luận là rất cần thiết vì chúng thường đưa ra những tình huống không có các bộ dữ liệu. Mặc dù "chỉ số hài lòng" ban đầu đã được chú ý sử dụng để lựa chọn các học phần, nhưng mỗi

học phần đều được phân tích sâu hơn để xem thử những chỉ số khác đạt được trong cuộc khảo sát có dưới trung bình hay không. Câu trả lời cho các câu hỏi mở (số liệu định tính) cũng được xem xét trở thành những gợi ý cho các lĩnh vực có thể cải thiện. Về bản chất, các dữ liệu sinh viên là điểm khởi đầu cho các cuộc đàm thoại trong khoa về việc cải thiện các học phần.

Có tổng cộng 20 học phần bị các giảng viên đánh giá ở mức đáy là 25%. Có 8 học phần ở mức 25% được chọn đầu tiên để thực hiện chiến lược cải thiện tập trung này và 5 trong số đó đã được đồng ý tham gia. Các đội phản ứng đã làm việc chặt chẽ với cán bộ giảng viên về các lĩnh vực đã được xác định cần phải cải thiện. Các thành viên CALT đã đưa ra một số hình thức hoạt động như sau:

- Xem xét và định hình lại các mục tiêu học phần.
- Gắn kết các hoạt động đánh giá với các mục tiêu.
- Đưa ra lời khuyên và ý tưởng về các hoạt động đánh giá mang tính sáng tạo.
- Rà soát tài liệu học tập.
- Cung cấp các phom mẫu hướng dẫn và các tài liệu học tập.
- Tổ chức các cuộc hội thảo về tính hiệu quả của thông tin phản hồi từ sinh viên.
- Nhấn mạnh vai trò của các mục tiêu học tập trong việc phát triển chương trình giảng dạy.

Ngoài ra, đội phản ứng cũng đã gặp gỡ với các giảng viên và sinh viên có liên

quan để kiểm tra những ý tưởng khác và xác định thêm các lĩnh vực cần cải thiện. Trong từng học phần, việc cải thiện chuyên sâu lĩnh vực dạy và học là khác nhau. Chúng nảy sinh từ cốt lõi của các cuộc trò chuyện giữa các giảng viên và sinh viên với các phân tích dữ liệu sau đó, đặc biệt là các phản ứng có kết thúc mở.

Những phát hiện từ nghiên cứu trường hợp

Các dữ liệu trong Bảng 2 cho thấy khi các học phần được đánh giá lại trong học kỳ hai của năm học tiếp theo và sau chương trình can thiệp, thì mức độ hài lòng trung bình của 4 học phần đã được cải thiện, và học phần thứ năm ở mức thấp không đáng kể là 3,2 (3,23 so với 3.20). Bảng 2 minh họa các dữ liệu đánh giá trong hai năm kể từ khi bắt đầu chương trình can thiệp. Đó là lúc mức hài lòng trung bình được duy trì cao hơn năm can thiệp (học phần 4 là ngoại lệ).

Sau khi áp dụng chương trình can thiệp, ngoài những cải tiến về mức hài lòng của sinh viên ghi nhận ở các học phần, thì các nhận xét và quan sát từ cả hai phía giảng viên và sinh viên kể từ khi chương trình này diễn ra cũng đã phản ánh sự thay đổi trong suy nghĩ về việc thực hiện công cuộc dạy và học. Quan trọng nhất là lãnh đạo khoa đã có những bước điều chỉnh và phối hợp hàng ngũ giảng viên trong khoa với các nguồn lực để hỗ trợ cho nhiệm vụ học tập và giảng dạy của nhà trường.

Các giảng viên những người không trực tiếp tham gia vào chiến lược cải tiến này đã gửi 1 báo cáo về hiệu ứng có tên gọi là "Nấm" như là kết quả của các hoạt động phát triển can thiệp. Một vài ví dụ được xem

là minh chứng cho sự sẵn sàng của đội ngũ giảng viên trong việc khám phá những cách thức mới để tham gia cùng với sinh viên. Việc làm cách nào để tìm ra cách thức phù hợp cho hàng loạt phong cách học tập đang là mối quan tâm của mọi người, chẳng hạn như trong việc nhận hệ thống phản hồi điện tử của khoa đối với người học trong các bài giảng điện tử lớn. Sáng kiến mới này khuyến khích sinh viên đưa ra ý kiến về mức độ hiểu biết của họ trong suốt bài giảng và cũng được phản hồi lại tức thì về mức độ hiểu biết và học tập đó. Sáng kiến này cũng cho phép các giảng viên đánh giá hiệu quả giảng dạy của họ với các mục tiêu học tập trong niên khóa và soạn thảo kỹ lưỡng bài giảng dựa trên các khái niệm khó hay không khó nắm bắt ngay tức thời.

Một số cán bộ giảng viên cũng quan tâm đến việc nghiên cứu thêm và cố gắng áp dụng một số các phương pháp sư phạm tương tác, lấy sinh viên làm trung tâm vào cách giảng dạy của mình. Các cuộc thảo luận đã mang đến thái độ xem xét kỹ lưỡng hơn về các cách học khác nhau của cộng đồng sinh viên. Hơn nữa, đội ngũ giảng viên được khuyến khích hạn chế phương pháp giảng dạy mô phạm và một chiều, là điều thường hay tạo ra rào cản đối việc học của nhiều sinh viên.

Các tài liệu nghiên cứu hiện đang được chuẩn bị để hỗ trợ nhiều phong cách học tập khác nhau như học theo phương pháp phi ngôn ngữ, học bằng hình ảnh, học toàn diện hoặc học theo phương pháp truyền thống. Chiến lược hỗ trợ trực tuyến và đa phương tiện đã được giới thiệu để sinh viên có thể quay lại sử dụng các ghi chú trực tuyến và cải thiện kịp thời phản hồi của họ .

Nhiệm vụ đánh giá cũng đã được xem xét và cân nhắc để phản ánh tốt hơn các ưu thế của học phần. Trong một số trường hợp, kế hoạch đề trình xen kẽ và liên tục hơn đang được sử dụng và các tiêu chí rõ ràng được đưa ra để học sinh không bị nhầm lẫn hoặc không chắc chắn về những gì được yêu cầu trong bảng đánh giá. Điều này cũng đã cho phép các sinh viên nhận được các thông tin phản hồi liên tục về quá trình học của họ, cho họ thời gian để suy nghĩ về các phản hồi và nhiệm vụ học tập đối với mỗi học phần.

Tất cả những sáng kiến giới thiệu cho các giảng viên được thiết kế để nâng cao kinh nghiệm học tập và kết quả cho sinh viên. Cả giảng viên và sinh viên đều cho biết những đổi mới này là một sự cải tiến và đang giúp cho nhiều sinh viên hơn vượt qua các ngưỡng học tập.

Những nhận xét sau đây của sinh viên là bằng chứng về giá trị mà họ đạt được dựa trên những cải tiến về các học phần và việc học tập của họ đã được cải thiện như thế nào:

- "... chuỗi các tài liệu tham khảo cho những ứng dụng thực tế đã giúp tôi duy trì cảm giác tập trung và có mục đích ."
- "Nó thực sự có ích để chúng tôi đưa ra một số ý tưởng về các loại câu hỏi sẽ được hỏi, không như lúc trước với các môn học như thế này chúng tôi (trích nguyên văn) không nhận được bất kỳ thông tin phản hồi nào cho đến khi kỳ thi diễn ra và như vậy thường là quá muộn! "
- "... chỉ muốn nói rằng việc tự đánh giá thực sự rất tốt. Nếu bạn có thể đưa ra thêm những

cách khác thì đó là một cách tuyệt vời để chúng tôi học tập. Cảm ơn."

- "Tôi thực sự thích các mô-đun trực tuyến, vì nó đã mang lại ý kiến phản hồi tức thời và nó buộc tôi phải suy nghĩ về câu trả lời của riêng tôi trước tiên."
- "Tốt, vì nó ... cung cấp một quan điểm khác để giải quyết vấn đề".

Kết luận

Những tiền đề trong bài viết này xác nhận giá trị của việc "lắng nghe và tiếp cận tiếng nói của sinh viên" để hướng tới cải tiến chất lượng. Việc nghiên cứu tình huống minh đã minh họa cho việc thực hiện chiến lược cải thiện một cách có hệ thống trong đội ngũ giảng viên, những người chịu trách nhiệm về các học phần (môn học) kém hiệu quả. Nó hỗ trợ các giá trị của phương pháp tiếp cận này. Kết luận chung: đây là chiến lược đáng theo đuổi vì những kết quả đạt được đang khuyến khích việc cải thiện bền vững các cấp độ hài lòng của sinh viên theo thời gian.

Kết quả cho thấy phương pháp can thiệp có mục tiêu là phương pháp phát triển một cách có hệ thống và theo khuôn khổ trong nội bộ đội ngũ giảng viên đã có lợi thế trong việc giải quyết các vấn đề có ảnh hưởng đáng kể đến các kinh nghiệm mà sinh viên có được. Hơn nữa, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng những vấn đề mà các sinh viên gặp phải thường dễ xử lý. Các kết quả cũng thể hiện rằng mặc dù các chiến lược cải thiện mục tiêu được thực hiện trong một khung thời gian tập trung (8 tuần), kết quả của sự hài lòng hơn vẫn được duy trì trong hầu hết các lĩnh vực. Xu hướng này cho thấy một

phương pháp tiếp cận chiến lược bắt đầu xây dựng một nền văn hóa có chất lượng. Các hiệu ứng "Năm", được quan sát trong đội ngũ giảng viên không trực tiếp tham gia vào chiến lược cải thiện, là một dấu hiệu cho thấy các chương trình chất lượng đã bắt đầu tác động đến hoạt động nghiên cứu và giảng dạy của các khoa trong trường.

Ở phương pháp tiếp cận toàn diện, nỗ lực đầu tiên để thực hiện mục tiêu, cải thiện hệ thống nhằm đáp ứng lại các đánh giá học phần của sinh viên đã cho thấy phương pháp này không chỉ đưa ra rất nhiều hứa hẹn mà còn chứng minh cho họ thấy thông tin phản hồi của họ là cốt lõi của sự thay đổi. Hơn nữa, khả năng các khoa cũng sử dụng dữ liệu để cải thiện việc dạy và học đã khiến sinh viên tự tin hơn trong quá đánh giá học phần mới và nhất quán với các kết quả nghiên cứu. Sự thay đổi về niềm tin này thể hiện ở sự gia tăng tỷ lệ phản hồi tổng thể kể từ khi triển khai hệ thống đánh giá mới cho các học phần. Tỷ lệ hưởng ứng trong thời gian này đã tăng từ 32% lên gần 41%. Điều này đồng nghĩa với câu trả lời từ thực tế là tăng từ 39.041 đến 55.334.

Rõ ràng, hiệu quả của hệ thống đánh giá của các trường đại học là cơ sở mang đến thành công cũng như tác động của các chương trình chất lượng. Trong trường hợp này, nhà trường thông qua một hệ thống cho phép họ nhanh chóng và chiến lược đáp ứng lại những phản hồi từ sinh viên, do đó vòng luân quản của chu kỳ chất lượng được chấm dứt. Việc kết hợp giữa đánh giá và chất lượng ở đây là nhằm vươn đến lĩnh vực giáo dục đại học, và cách tiếp cận được thực hiện trong lĩnh vực nghiên cứu này chứng tỏ rằng có một sự kết hợp cộng sinh giữa việc thu

Thông tin Giáo Dục Quốc Tế tháng 10 năm 2014

thập dữ liệu do sinh viên tạo ra và lập kế hoạch dựa trên các dẫn chứng và đưa ra quyết định để thực hiện thay đổi đó. Điều đó được Hội đồng hướng dẫn nghề nghiệp cho sinh viên tốt nghiệp của Úc (GCCA) trình bày tóm tắt súc tích trong một bài báo như sau: “Thật là hoang đường nếu nghĩ rằng những gì tất cả các bạn phải làm là gửi lại kết quả của cuộc khảo sát cho những ai có liên quan, rồi các tác động, sự cải tiến cũng như đổi mới sẽ tự động xảy ra. Giả thiết như vậy sẽ bỏ qua hết tất cả các nghiên cứu về

động lực và làm thay đổi cách quản lý trong các trường đại học. ”

(Hết)

Bảng 2: So sánh chỉ số trung bình sự hài lòng của 5 học phần liên quan nhau trong thời gian thử nghiệm

Học phần	Năm 1*	Năm 2*	Năm 3*	Thay đổi trung bình	% trung bình
Học phần 1	3.68	3.85	3.95	0.17	4.6 ▲
Học phần 2	3.28	4.00	3.77	0.72	22.0 ▲
Học phần 3	3.00	3.50	3.93	0.50	16.7 ▲
Học phần 4	3.23	3.20	3.10	-0.03	0.93 ▼
Học phần 5	3.07	3.29	3.70	0.22	7.2 ▲

* Chỉ số trung bình dựa trên yếu tố hài lòng.

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC

Tham gia chuyến công tác đi Hàn Quốc

Theo thư mời của trường Đại học Quốc gia Seoul (Trường Giáo dục) vào ngày 16 tháng 6 năm 2014 và thư mời của các cơ quan chính phủ Hàn Quốc, trường Đại học Sư phạm TP.HCM đã ra quyết định số 1483/QĐ-ĐHSP kí ngày 22 tháng 7 năm 2014 về việc thành lập đoàn công tác đi Hàn Quốc để ký kết thỏa ước hợp tác, tham dự tọa đàm và thăm các đối tác đã và đang hợp tác với trường Đại học Sư phạm TP.HCM từ ngày 6/10 đến 12/10/2014 gồm 11 thành viên. Chi phí cho chuyến công tác do Lãnh Sự Quán Hàn Quốc tại thành phố Hồ Chí Minh đài thọ. Trong thời gian công tác, trường Đại học Sư phạm TP.HCM đã thăm và làm việc với 11 trường đại học,



Trường ĐH Sư phạm Tp. HCM ký kết hợp tác với Đại học Seoul

cơ quan và tổ chức của chính phủ Hàn Quốc nhằm củng cố các mối quan hệ hợp tác cũ và thiết lập xây dựng các mối quan hệ hợp tác mới bao gồm: Quỹ Sejong, tổ chức KOICA, tổ chức Korea Foundation, Viện nghiên cứu Trung Ương Hàn Quốc Học, Viện Quốc Ngữ Trung Ương, Quỹ Lịch sử Đông Bắc Á, Quỹ Văn hóa và Giáo dục Trung

Ương, Thư viện Quốc gia, trường Đại học Quốc gia Seoul, trường Trung học thực Hành thuộc Đại học Quốc gia Seoul, trường Đại học Sư phạm Quốc gia Seoul (chuyên về đào tạo giáo viên tiểu học). Ngoài ra, đoàn công tác còn tham gia tổ chức tọa đàm khoa học giữa các chuyên gia SGK & nhà giáo dục của Hàn Quốc và Việt Nam.

Trong chuyến công tác, trường đã kí kết được 02 thỏa ước hợp tác mới với Đại học Quốc gia Seoul, trường Trung học thực Hành thuộc Đại học Quốc gia Seoul và tạo cơ hội cho việc mở rộng quan hệ hợp tác cũng như xin tài trợ về kinh phí, hỗ trợ về mặt nhân lực và tài liệu...cho trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn chuẩn bị thành lập khoa tiếng Hàn Quốc. Ngoài ra, chuyến đi cũng là một cơ hội học tập kinh nghiệm đầy bổ ích trong việc

xây dựng chương trình, đổi mới sách giáo khoa, đào tạo giáo viên, công tác tổ chức, cách giáo dục về tinh thần yêu nước và tinh thần dân tộc cho trẻ em. Việc tham quan và làm việc với các tổ chức của chính phủ Hàn Quốc đã thắt chặt thêm tình đoàn kết hữu nghị giữa Việt Nam và Hàn Quốc nói chung và giữa trường Đại học Sư phạm và các đối tác nói riêng. Đây cũng là một cơ hội để quảng bá và giới thiệu với các trường bạn về văn hóa, lịch sử, địa lý và nền giáo dục của Việt Nam trong giai đoạn cải cách. Đại diện Viện Nghiên cứu Giáo dục, Viện trưởng PGS. TS. Ngô Minh Oanh đã tham gia phái đoàn này.

Tổ chức lớp tập huấn “Quốc tế hóa chương trình học: Thuận lợi và thách thức”

Sáng ngày 15 tháng 10 năm 2014, Viện Nghiên cứu Giáo dục đã tổ chức lớp tập huấn về “Quốc tế hóa chương trình học: Thuận lợi và thách thức” do TS. Lesley Gourlay, Viện Giáo dục, Đại học Luân Đôn hướng dẫn.



PGS.TS. Ngô Minh Oanh phát biểu khai mạc lớp tập huấn

hình sư phạm về sự phát triển của môn viết trong giáo dục đại học và những giá trị của môn viết trong chương trình học.

Lớp tập huấn đã chia sẻ kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng chương trình giáo dục đến gần 70 nhà quản lý, nghiên cứu, những giảng viên, và chuyên viên từ nhiều trường đại học, cao đẳng miền Nam.

Tổ chức lớp tập huấn “Quốc tế hóa chương trình học: Thuận lợi và thách thức”

Lesley Gourlay là giảng viên cao cấp về đọc viết hiện đại và là Giám đốc Trung tâm Viết học thuật, Khoa Văn hóa, Thông tin và Truyền thông của Viện Giáo dục, Đại học Luân Đôn. Chuyên môn của bà là ngôn ngữ học ứng dụng, và những lĩnh vực nghiên cứu của bà bao gồm đọc viết học thuật, quốc tế hóa và sự tham gia ngày càng đa dạng vào giáo dục đại học của nhiều thành phần. TS. Lesley cũng quan tâm đến việc cải thiện những mô

Thông tin Giáo Dục Quốc Tế tháng 10 năm 2014

Thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH và hội nhập quốc tế, và nhân dịp chuyến thăm Việt Nam của GS. John N. Hawkins, thuộc Khoa Đào tạo Sau đại học về Giáo dục học và Thông tin học, Trường Đại học California, Los Angeles (UCLA); được sự cho phép của Ban Giám hiệu Trường Đại học Sư phạm Tp. HCM, Viện Nghiên cứu Giáo dục đã tổ chức tập huấn với chuyên đề “Những vấn đề trong đảm bảo chất lượng giáo dục đại học: Lên kế hoạch trong bối cảnh toàn cầu” do GS. John N. Hawkins hướng dẫn vào ngày 22 tháng 10 năm 2014.



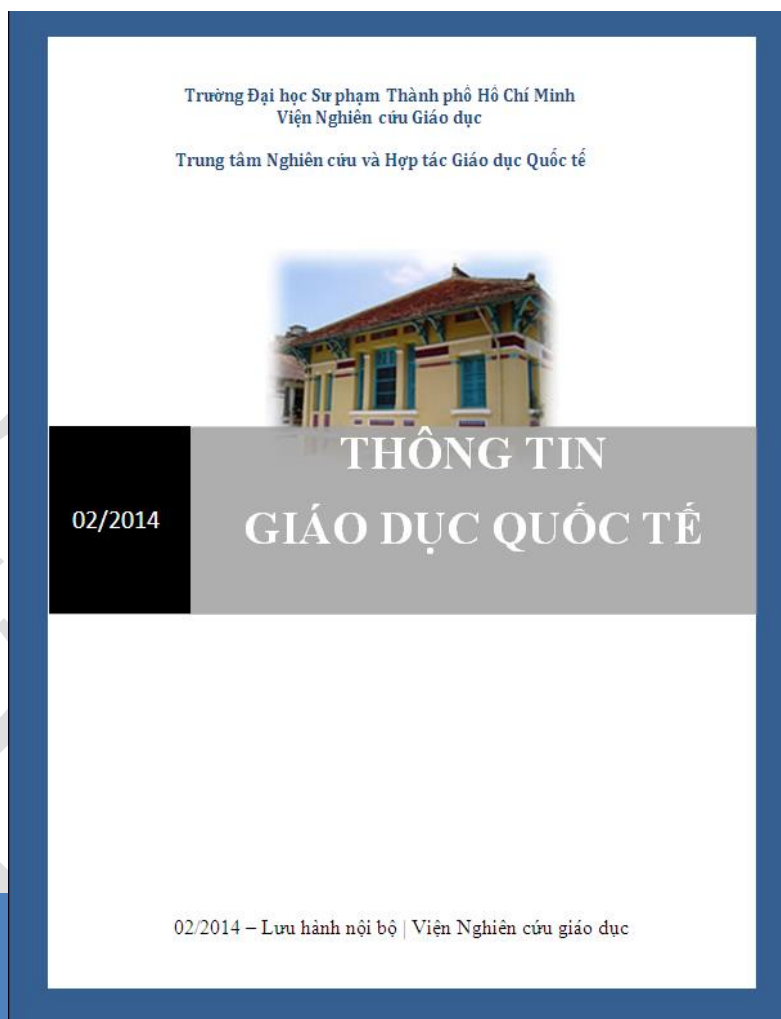
Học viên tham dự lớp tập huấn ngày 22/10

hoạch giáo dục trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương và trên 70 bài báo và chương sách.

Với những kinh nghiệm của mình, giáo sư đã tận tình chia sẻ những bài học, quy tắc trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục đại học đến các nhà quản lý, nghiên cứu, những giảng viên, và chuyên viên làm công tác trong lĩnh vực giáo dục đại học.

John N. Hawkins là Giáo sư về khoa học xã hội và giáo dục so sánh của Trường Sau đại học về Giáo dục và Nghiên cứu Thông tin tại Đại học California, Los Angeles. Ông cũng là Chủ tịch của Ban Khoa học Xã hội và Giáo dục So sánh, biên tập viên của Tạp chí Giáo dục học so sánh, được xuất bản bởi Đại học Chicago, và là Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc tế và Phát triển. Ông là tác giả hoặc biên tập viên của 15 cuốn sách về chính sách và lập kế

Thông tin Giáo Dục Quốc Tế tháng 10 năm 2014



Thông tin Giáo dục Quốc tế rất mong nhận được sự cộng tác về bài viết, thông tin và nhận xét, góp ý của cán bộ, giảng viên, và sinh viên trong cũng như ngoài trường.

Mọi chi tiết xin vui lòng liên lạc:

Địa chỉ: 280 An Dương Vương, Quận 5. Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08)38355100

Email: ciecer@ier.edu.vn